

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG /Quality management department.

Đc: Lô C25 KCN Hiệp Phước, X. Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP.HCM

Add: Lot C25, Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Commune, Nha Be District, Hochiminh City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 028. 37818493 - Fax: 028. 37818360



Số/ Serial number: 223 /XMB

Ngày/ date: 14/09/2022

PHIẾU THỬ NGHIỆM XI MĂNG TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: XI MĂNG POOCLĂNG HỖN HỢP PCB40-BAO Số lô/Lot: 160822
- Thương hiệu/Brand name: VICEM HA TIEN
- Số lượng mẫu/ Number of sample: 01 mẫu/ 01 sample - Dạng / Kind : Bao (bag) (50±0,5) kg
- Ngày xuất hàng/Date of dispatching: 16/08/2022 - Khối lượng/ Weigh: 77.50 tấn/tons
- Ngày lấy mẫu/Date of taking: 16/08/2022
- Ngày thử nghiệm mẫu/ Date of testing: 17/08/2022
- Tên khách hàng/Client: Xí nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ-Công ty CP Xi măng Vicem Hà tiên
Địa chỉ / Address: 09-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP.HCM
- Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method: TCVN 4787:2009 (EN196-7:2007)*
- Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm/Testing environment conditions:
- Phòng thử nghiệm/testing room : $t = (27 \pm 2) ^\circ\text{C}$, RH > 50%
- Tủ dưỡng mẫu trong khuôn/Humidity cabinet: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$, RH > 90%
- Bể ngâm mẫu/ Water curing tank: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TÊN CHỈ TIÊU <i>Characteristic</i>	KẾT QUẢ Test result	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2009 Standard specification	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method
10.1 Cường độ nén-Compressive strength • 03 ngày (days) ± 45 min • 28 ngày (days) ± 8 h	MPa 22.7 MPa 42.5	Không nhỏ hơn 18 Không nhỏ hơn 40	TCVN 6016:2011
10.2 Độ dẻo tiêu chuẩn -Water for normal consistency	% 29.6	KQĐ(not regulated)	TCVN 6017:2015
10.3 Thời gian đông kết- Setting time • Bắt đầu - Initial set • Kết thúc -Final set	phút/min 160 phút/min 195	Không nhỏ hơn 45 Không lớn hơn 420	TCVN 6017:2015
10.4 Độ nghiền mịn/Fineness: • Sốt sàng (Residue) 0.09mm • Sốt sàng (Residue) 0.045mm (*) • Bề mặt riêng, PP Blaine /Separately, Blaine method,	% 0.5 4.8 cm ² /g 4098	Không lớn hơn 10 KQĐ(not regulated) Không nhỏ hơn 2800	TCVN 4030:2003
10.5 Độ ổn định thể tích theo pp Le Chatelier Soundness -Le Chatelier method	mm 0.50	Không lớn hơn 10	TCVN 6017:2015
10.6 Hàm lượng SO ₃ -Sulfur trioxide content	% 1.81	Không lớn hơn 3.5	TCVN 141:2008

Ghi chú/Note: (*) Phép thử không được công nhận/ Unrecognized test.

NHẬN XÉT/ REMARK:

Đạt-Meet the requirements: ☒Không đạt-None: ☐

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hoàng Văn Đồng



[1] Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với lô hàng/ Test results are valid for the namely submitted lot only.

[2] Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm, ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý của TP.QLCL/ This test report shall not be reproduced except in full without the written approval of the Manager of Lab.